

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019); Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

Năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 theo Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; do đó, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020, trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho tỉnh Cà Mau và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính đã xây dựng hoàn chỉnh Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ngày 26/11/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tổ chức Hội nghị lần thứ hai và cho ý kiến thống nhất với Phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021 để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Theo đó, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 như sau:

**1. Về dự toán thu ngân sách năm 2021**

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 được xây dựng với tổng số thu 5.478.700 triệu đồng, phân bổ cho cấp tỉnh 4.594.700 triệu đồng, chiếm 83,86% tổng thu; cấp huyện, xã 884.000 triệu đồng, chiếm 16,14% tổng thu. Bao gồm:

- Thu nội địa 5.462.700 triệu đồng, bằng 96,29% dự toán năm 2020 (5.673.000 triệu đồng). Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi năm 2020 đối với tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước trừ vào tiền sử dụng đất thì dự toán thu nội địa năm 2021 tăng 5,25% so dự toán năm 2020 (5.190.000 triệu đồng).

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 16.000 triệu đồng, bằng 72,73% dự toán năm 2020 (22.000 triệu đồng).

## **2. Về dự toán chi ngân sách năm 2021**

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là 10.610.073 triệu đồng. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 6.678.232 triệu đồng; ngân sách các huyện, thành phố chi 3.931.841 triệu đồng. Dự toán chi ngân sách năm 2021 bằng 92,91% dự toán năm 2020 (11.419.229 triệu đồng). Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển 2.452.097 triệu đồng (bao gồm chi từ nguồn vay lại ngân sách địa phương 90.000 triệu đồng), bằng 91,49% dự toán năm 2020, giảm 228.000 triệu đồng so với dự toán năm 2020, chiếm 27,49% chi cân đối ngân sách.

- Chi thường xuyên 6.287.956 triệu đồng, bằng 98,43% so với dự toán năm 2020, giảm 100.486 triệu đồng, chiếm 70,50% chi cân đối ngân sách.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng;

- Chi trả phí, lãi vay 2.973 triệu đồng;

- Dự phòng ngân sách 174.881 triệu đồng (bằng 2% của tổng chi cân đối NSDP).

- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu 1.691.166 triệu đồng (chưa bao gồm nguồn vốn Trung ương bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021), bằng 77,68% so với dự toán năm 2020, chiếm 15,94% tổng chi ngân sách địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đảm bảo nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, xác định quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng; bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ chi quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định đến tháng 10/2020. Đối với các chế độ, chính sách do cấp thẩm quyền quyết định từ ngày 01/11/2020 trở về sau nhưng chưa được phân bổ trong dự toán tại kỳ họp này, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính cân đối nguồn phù hợp, đảm bảo bố trí kinh phí đầy đủ và kịp thời để thực hiện theo quy định.

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị theo quy định

của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, do ngân sách Trung ương chưa phân bổ kinh phí cho ngân sách địa phương trong dự toán đầu năm 2021; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán tại kỳ họp này. Khi Trung ương phân bổ nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất để phân bổ chi tiết theo quy định.

Trên đây là Tờ trình thông qua Nghị quyết về Phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị *(kèm theo Phương án phân bổ ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các biểu mẫu theo quy định)*. Tờ trình này thay thế Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Sở Tài chính;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KT (M<sub>9</sub>) (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**



## PHƯƠNG ÁN

### PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2021

*(Kèm theo Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Cà Mau thời kỳ ổn định 2017 - 2020; Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2017; đảm bảo ưu tiên nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người và các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành. Trong đó, tập trung một số vấn đề chủ yếu sau đây:

### 1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn

- Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan.

- Việc xây dựng dự toán thu năm 2021 phải bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế; tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của dịch Covid-19.

- Dự toán thu NSNN năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện năm 2019, ước thực hiện năm 2020; đồng thời, phân tích, dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2021 của địa phương, dự toán thu sát thực tế đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn. Trong đó, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước; các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ; thực hiện có hiệu quả các biện pháp cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thu, đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử, tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế.

## **2. Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương**

- Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (NSDP) năm 2021 trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa NSTW và NSDP, số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương (NSTW) cho NSDP được giao năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2020, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển: đảm bảo chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tập trung bằng với dự toán năm 2020; chi đầu tư phát triển từ nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán thu năm 2021.

- Đảm bảo nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, xác định quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ chi quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền quyết định đến tháng 10/2020.

- Thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở biên chế theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền; chủ động dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021; đảm bảo thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

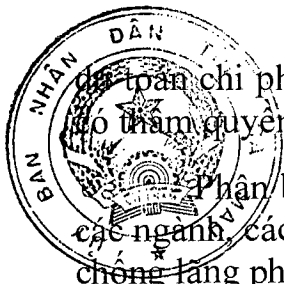
## **II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021**

### **1. Nguyên tắc phân bổ ngân sách địa phương**

- Năm 2021, là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020; do đó, việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi được xác định trên cơ sở giữ ổn định so với năm 2017; trong đó, ưu tiên đảm bảo chi trả đủ lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo quy định; các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

- Phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thực hiện, các mục tiêu, đề án cơ cấu lại đầu tư công và khả năng cân đối của NSNN trong năm, phù hợp với dự kiến định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của địa phương.

- Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị; phân bổ



đề toán chi phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định.

Phân bổ dự toán ngân sách phải đảm bảo nguyên tắc cân đối thu - chi cho các ngành, các cấp theo phân cấp hiện hành, quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập, phân bổ dự toán.

## 2. Dự toán thu NSNN cho các cấp ngân sách

Dự toán thu NSNN năm 2021 được xây dựng với tổng số thu 5.478.700 triệu đồng, phân bổ cho cấp tỉnh 4.594.700 triệu đồng, chiếm 83,86% tổng thu; cấp huyện, xã 884.000 triệu đồng, chiếm 16,14% tổng thu. Dự toán thu năm 2021 bằng 96,20% dự toán năm 2020 (5.695.000 triệu đồng<sup>1</sup>) và bằng 96,32% ước thực hiện năm 2020 (5.688.000 triệu đồng), bao gồm:

- Thu nội địa 5.462.700 triệu đồng, bằng 96,29% dự toán năm 2020 (5.673.000 triệu đồng). Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi năm 2020 đối với tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước trừ vào tiền sử dụng đất thì dự toán thu nội địa năm 2021 tăng 5,25% so dự toán năm 2020 (5.190.000 triệu đồng).

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 16.000 triệu đồng, bằng 72,73% dự toán năm 2020 (22.000 triệu đồng).

*(Kèm theo Biểu mẫu số 16 - Dự toán thu NSNN theo lĩnh vực).*

## 3. Dự toán chi NSNN cho các cấp ngân sách

Tổng chi NSDP năm 2021 là 10.610.073 triệu đồng (chưa bao gồm vốn các chương trình mục tiêu quốc gia do Trung ương chưa giao). Trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 6.678.232 triệu đồng, chiếm 62,94% tổng chi; ngân sách các huyện, thành phố chi 3.931.841 triệu đồng, chiếm 37,06% tổng chi. Dự toán chi ngân sách năm 2021 bằng 92,91% dự toán năm 2020 (11.419.229 triệu đồng<sup>2</sup>). Bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách 8.918.907 triệu đồng, giảm 323.281 triệu đồng so với dự toán năm 2020 (9.242.188 triệu đồng). Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất năm 2020 thì dự toán chi ngân sách năm 2021 bằng 101,81% dự toán năm 2020 (8.759.188 triệu đồng), tăng 159.719 triệu đồng, chiếm 84,06% tổng chi NSDP; trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 2.452.097 triệu đồng<sup>3</sup> (đã bao gồm chi từ nguồn vay lại NSDP 90.000 triệu đồng), bằng 91,49% dự toán năm 2020 (2.680.097 triệu đồng), giảm 228.000 triệu đồng so với dự toán năm 2020, chiếm 27,49% chi cân đối ngân sách. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất năm 2020 thì dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 tăng 11,61% dự toán năm 2020 (2.197.097 triệu đồng), tương ứng tăng 255.000 triệu đồng (trong đó: tăng chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết

<sup>1</sup> Nếu dự toán thu NSNN năm 2020 loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước trừ vào tiền sử dụng đất 483.000 triệu đồng, thì thu NSNN năm 2021 bằng 105,12% dự toán năm 2020.

<sup>2</sup> Nếu dự toán chi NSDP năm 2020 loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước trừ vào tiền sử dụng đất 483.000 triệu đồng, thì dự toán chi NSDP năm 2021 bằng 97,02% dự toán năm 2020.

<sup>3</sup> Năm 2021 không phát sinh trả nợ gốc

150.000 triệu đồng, tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 36.000 triệu đồng và tăng chi đầu tư từ nguồn vay lại của NSDP 69.000 triệu đồng).

+ Chi thường xuyên 6.287.956 triệu đồng, bằng 98,43% so với dự toán năm 2020, giảm 100.486 triệu đồng, chiếm 70,50% chi cân đối ngân sách;

+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng;

+ Chi trả phí, lãi vay 2.973 triệu đồng;

+ Dự phòng ngân sách 174.881 triệu đồng (bằng 2% của tổng chi cân đối NSDP).

- Chi các chương trình mục tiêu 1.691.166 triệu đồng, bằng 77,68%, thấp hơn 485.945 triệu đồng so với dự toán năm 2020, chiếm 15,94% tổng chi NSDP. Dự toán chi thấp so với dự toán năm 2020 là do Trung ương chưa bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; một số chương trình mục tiêu hết giai đoạn thực hiện đang xây dựng cho giai đoạn mới nên Trung ương chưa đưa vào dự toán và sẽ bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

Trong chi đầu tư xây dựng cơ bản đã trích 10% tương đương 40.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

*(Kèm theo Biểu mẫu số 17 - Dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi).*

### **3.1. Phân tích các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản**

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2021, thực hiện chủ trương tăng dần tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi cân đối ngân sách nhà nước, phân bổ chi đầu tư phát triển là 2.452.097 triệu đồng (bao gồm chi từ nguồn vay lại NSDP 90.000 triệu đồng), chiếm 27,49% chi cân đối NSDP, tỷ trọng tăng 2,41% so với dự toán năm 2020<sup>4</sup> (25,08%); phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh quản lý chi 2.097.700 triệu đồng; ngân sách cấp huyện quản lý chi 354.397 triệu đồng.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh sau khi trích 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Chỉ thị số 05/CT-TTg, được bổ sung cho Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ với số tiền 236.700 triệu đồng.

### **3.2. Các khoản chi thường xuyên**

a) Chi sự nghiệp kinh tế 1.235.426 triệu đồng, bằng 92,98% dự toán năm 2020 (tương đương giảm 93.332 triệu đồng), chiếm 19,65% tổng chi thường xuyên.

b) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.400.065 triệu đồng, tăng 3,73% so với dự toán năm 2020 (tương đương tăng 86.337 triệu đồng), chiếm

<sup>4</sup> Đã loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất.



Tổng chi thường xuyên.

Chi sự nghiệp y tế 611.799 triệu đồng, giảm 1,41% so với dự toán năm 2020 (tương đương giảm 8.721 triệu đồng), chiếm 9,73% tổng chi thường xuyên.

đ) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 34.736 triệu đồng, tăng 22,18% so với dự toán năm 2020 (tương đương tăng 6.306 triệu đồng), tăng 7.271 triệu đồng so với dự toán năm 2021 do Bộ Tài chính giao (27.465 triệu đồng), chiếm 0,55% tổng chi thường xuyên.

đ) Chi đảm bảo môi trường 88.233 triệu đồng, bằng 90,30% dự toán năm 2020 (giảm 9,70% tương đương giảm 9.482 triệu đồng), chiếm 1,40% tổng chi thường xuyên.

e) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 63.109 triệu đồng, bằng 93,88% dự toán năm 2020 (giảm 6,12% tương đương giảm 4.117 triệu đồng), chiếm 1,00% tổng chi thường xuyên.

g) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình 23.194 triệu đồng, tăng 5,31% so với dự toán năm 2020 (tương đương tăng 1.170 triệu đồng), chiếm 0,37% tổng chi thường xuyên.

h) Chi sự nghiệp thể dục thể thao 31.115 triệu đồng, tăng 1,44% so với dự toán năm 2020 (tương đương tăng 442 triệu đồng), chiếm 0,49% tổng chi thường xuyên.

i) Chi đảm bảo xã hội 304.703 triệu đồng, bằng 95,00% so với dự toán năm 2020 (giảm 5,00%, tương đương giảm 16.022 triệu đồng), chiếm 4,85% tổng chi thường xuyên.

k) Chi quản lý hành chính 1.222.372 triệu đồng, bằng 93,47% dự toán năm 2020 (giảm 6,53%, tương đương giảm 85.448 triệu đồng), chiếm 19,44% tổng chi thường xuyên.

l) Chi quốc phòng 174.615 triệu đồng, tăng 15,45% so với dự toán năm 2020 (tương đương tăng 23.374 triệu đồng), chiếm 2,78% tổng chi thường xuyên.

m) Chi an ninh 36.330 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2020, chiếm 0,58% tổng chi thường xuyên.

n) Chi khác ngân sách 62.260 triệu đồng, bằng 98,43% dự toán năm 2020 (giảm 1,57%, tương đương giảm 992 triệu đồng), chiếm 1% tổng chi thường xuyên.

Dự toán chi thường xuyên năm 2021 được giao theo hệ số lương tại thời điểm tháng 10/2020 và mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng. Ngoài ra, tăng thêm kinh phí hoạt động cho các đơn vị có nhiều nhiệm vụ chi phát sinh và các chế độ, chính sách mới ban hành; trong đó, tập trung ở một số lĩnh vực như: giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, quốc phòng, an ninh, đảm bảo môi trường, đảm bảo xã hội,...



## 4. Phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện

### 4.1. Phân bổ cho dự toán chi cấp tỉnh

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh là 6.678.232 triệu đồng, đây là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh (không kể chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện), cụ thể như sau:

a) Dự toán chi đầu tư phát triển 2.097.700 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 471.000 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.300.000 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn vay lại của NSDP 90.000 triệu đồng.
- Chi bổ sung cho Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 236.700 triệu đồng.

b) Dự toán phân bổ chi thường xuyên 2.782.192 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp kinh tế 995.668 triệu đồng, giảm 40.607 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Trong đó:

+ Chi lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản 164.792 triệu đồng, giảm 12.705 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, giảm 2.834 triệu đồng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững do hết giai đoạn thực hiện; giảm 3.969 triệu đồng kinh phí khoán rừng lâu dài theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; giảm 1.508 triệu đồng do Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn đã chuyển sang đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; giảm 8.181 triệu đồng do một số chương trình, đề án, nhiệm vụ kết thúc trong năm 2020; tăng 3.787 triệu đồng kinh phí thành lập Khu bảo tồn biển cấp tỉnh;

+ Chi lĩnh vực giao thông 164.800 triệu đồng, tăng 2.400 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, tăng 2.500 triệu đồng kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho Ban An toàn giao thông tỉnh; giảm 100 triệu đồng công tác thu lệ phí và kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông của Sở Giao thông và Vận tải;

+ Chi lĩnh vực kinh tế khác 666.076 triệu đồng, giảm 30.303 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, giảm 47.835 triệu đồng kinh phí hoàn tạm ứng mua sắm, sửa chữa<sup>5</sup>; giảm 4.925 triệu đồng kinh phí quản lý bảo vệ rừng thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững 2016 - 2020 do hết giai đoạn thực hiện; giảm 24.000 triệu đồng kinh phí trang bị hệ thống nước sạch các trường; giảm 10.000 triệu đồng kinh phí đầu tư các hạng mục thuộc Bia ấn loát đặc biệt Nam bộ; tăng 3.134 triệu đồng kinh phí cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; tăng 25.000 triệu đồng kinh phí đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính của các xã, thị

<sup>5</sup> Bao gồm: giảm 7.933 triệu đồng kinh phí hoàn tạm ứng mua sắm, sửa chữa của Sở Giáo dục và Đào tạo; giảm 39.902 triệu đồng kinh phí hoàn tạm ứng mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Bệnh viện Sản - Nhi, Trung tâm Y tế huyện U Minh và sửa chữa hệ thống xử lý nước thải y tế.



trực thuộc huyện U Minh và huyện Trần Văn Thời; tăng 2.000 triệu đồng kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường; tăng 26.323 triệu đồng thực hiện một số chương trình, dự án thuộc kế hoạch năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 438.128 triệu đồng, tăng 10.284 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục 357.437 triệu đồng, tăng 36.975 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, tăng 10.000 triệu đồng hỗ trợ sữa tươi góp phần cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tăng 24.450 triệu đồng do tăng hệ số lương thường niên và các khoản phụ cấp giáo viên; tăng 2.864 triệu đồng các nhiệm vụ chi tại Sở Giáo dục và Đào tạo (tổ chức các kỳ thi, kinh phí khen thưởng,...); giảm 339 triệu đồng kinh phí hoạt động do giảm 326 học sinh so với năm học 2019 - 2020<sup>6</sup>;

+ Chi sự nghiệp đào tạo 80.691 triệu đồng, giảm 26.691 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, giảm 7.000 triệu đồng do không bố trí nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo khung năng lực Châu Âu; giảm 12.500 triệu đồng kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn do ngân sách Trung ương hỗ trợ; giảm 1.500 triệu đồng kinh phí của Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc do sử dụng nguồn cải cách tiền lương của đơn vị để thực hiện chi chênh lệch tăng lương cơ sở (từ 1,21 triệu đồng lên 1,49 triệu đồng); giảm 8.200 triệu đồng của Trường Cao đẳng Y tế do đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động; tăng 2.500 triệu đồng do tăng hệ số lương thường niên và các khoản phụ cấp.

- Chi sự nghiệp y tế 563.095 triệu đồng, giảm 33.129 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Trong đó:

+ Dự toán năm 2020, ngân sách giảm cấp mức hỗ trợ trên giường bệnh đối với khám chữa bệnh theo lộ trình 58.207 triệu đồng; tuy nhiên, qua kết quả thu từ khám, chữa bệnh 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2020 của các đơn vị không đảm bảo nhiệm vụ chi, ngân sách phải bổ sung 55.234 triệu đồng từ nguồn kinh phí giảm cấp nêu trên để đảm bảo kinh phí hoạt động của các đơn vị; do đó, trên cơ sở dự toán nguồn thu khám, chữa bệnh và nhiệm vụ chi năm 2021, thực hiện giảm cấp ngân sách theo lộ trình 15.340 triệu đồng (trong đó các bệnh viện giảm 11.660 triệu đồng, các trung tâm y tế tuyến huyện giảm 3.420 triệu đồng, các đơn vị sự nghiệp khác<sup>7</sup> giảm 260 triệu đồng);

+ Giảm 15.380 triệu đồng do sử dụng nguồn cải cách tiền lương của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế để đảm bảo chi chênh lệch lương cơ sở (từ 1,21 triệu đồng lên 1,49 triệu đồng);

<sup>6</sup> Số học sinh khối trường trung học phổ thông do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý là 39.379 học sinh (theo số liệu thống kê năm học 2020 - 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

<sup>7</sup> Các đơn vị sự nghiệp y tế khác bao gồm: dự phòng, sự nghiệp y tế khác cấp tỉnh.

+ Tăng 7.677 triệu đồng do tăng mức hỗ trợ BHYT học sinh, hộ cận nghèo và hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản khác (không thiếu hụt BHYT) theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Giảm 10.086 triệu đồng do các đề án, chương trình y tế<sup>8</sup> hết giai đoạn thực hiện;

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 28.772 triệu đồng, tăng 6.306 triệu đồng so với dự toán năm 2020; phân bổ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Chi đảm bảo môi trường 33.409 triệu đồng, giảm 9.585 triệu đồng so với dự toán năm 2020 (42.994 triệu đồng) do một số nhiệm vụ chi hết giai đoạn thực hiện (Đề án bảo tồn và phát triển vườn chim trong khuôn viên Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh) và giải thể Ban Quản lý Khu sinh quyển Mũi Cà Mau.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 38.647 triệu đồng, giảm 4.154 triệu đồng so với dự toán năm 2020 do một số nhiệm vụ chi đã hoàn thành trong năm 2020.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 20.040 triệu đồng, tăng 440 triệu đồng so với dự toán năm 2020, do tăng chi tiền dinh dưỡng theo Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các chế độ cho huấn luyện viên và vận động viên theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ do tăng số ngày tập luyện theo kế hoạch tập luyện và thi đấu năm 2021.

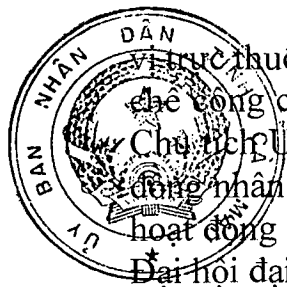
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 8.780 triệu đồng, tăng 1.162 triệu đồng so với dự toán năm 2020, tăng do nguồn thu của đơn vị giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên ngân sách tăng mức hỗ trợ lương và các khoản có tính chất lương để đảm bảo cân đối chi cho đơn vị.

- Chi đảm bảo xã hội 123.950 triệu đồng, giảm 16.022 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, giảm 20.800 triệu đồng<sup>9</sup> do bố trí vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh giảm so theo kế hoạch; tăng 4.778 triệu đồng kinh phí chi lương và hoạt động thường xuyên của các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và chuyển kinh phí mua BHYT cho các đối tượng bảo trợ tại Trung tâm về sự nghiệp y tế.

- Chi quản lý hành chính 413.020 triệu đồng, giảm 91.309 triệu đồng so với dự toán năm 2020; trong đó, giảm 60.000 triệu đồng kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; giảm 62.350 triệu đồng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; giảm 8.688 triệu đồng do giải thể 02 cơ quan quản lý hành chính và sáp nhập các đơn

<sup>8</sup> Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số: Đề án "Đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017-2020" theo Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 31/10/2016....

<sup>9</sup> Giảm 25.800 triệu đồng bao gồm: giảm 5.800 triệu đồng cho vay khu làng nghề Khu du lịch Đất Mũi, giảm 20.000 triệu đồng cho vay các đối tượng lao động đi làm việc nước ngoài không thuộc diện chính sách vay vốn tại CN Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo Công văn số 2195/UBND-KT ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, tăng 5.000 triệu đồng cho vay đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Công văn số 5584/UBND-KT ngày 21/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.



thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường<sup>10</sup>; giảm 9.620 triệu đồng do giảm 74 biên chế công chức cấp tỉnh theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng 40.000 triệu đồng kinh phí tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; tăng 1.301 triệu đồng hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Đoàn Đại biểu Quốc hội; tăng 5.800 triệu đồng kinh phí tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và phối hợp tuyên truyền với các cơ quan báo chí<sup>11</sup>; tăng nhiệm vụ khác 2.248 triệu đồng.

- Chi quốc phòng 68.857 triệu đồng, tăng 18.952 triệu đồng so với dự toán năm 2020, bao gồm:

+ Dự toán chi của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 50.667 triệu đồng, tăng 14.052 triệu đồng so dự toán năm 2020 do bố trí một số chế độ, chính sách đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng (tiền ăn tăng từ 57.000 đồng lên 62.000 đồng theo Thông tư số 78/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tăng tiền trợ cấp gia đình cho lực lượng dự bị động viên theo Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; kinh phí mua sắm trang phục Dân quân tự vệ, công cụ dụng cụ,...).

+ Dự toán chi của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 18.190 triệu đồng, tăng 4.900 triệu đồng so với dự toán năm 2020 do tăng kinh phí sửa chữa hệ thống biển báo khu vực Biên giới biển và kinh phí sửa chữa các đồn biên phòng.

- Chi an ninh 20.734 triệu đồng, bố trí bằng dự toán năm 2020.

- Chi khác ngân sách 29.091 triệu đồng. Nguồn chi khác do Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh thực tế trong năm.

c) Chi trả lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay 2.973 triệu đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

#### **4.2. Phân bổ dự toán ngân sách huyện, thành phố**

Dự toán chi ngân sách huyện, thành phố là 3.931.841 triệu đồng, đây là nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố (bao gồm cấp xã), cụ thể như sau:

a) Chi đầu tư phát triển 354.397 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP 231.097 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 123.300 triệu đồng.

b) Dự toán phân bổ chi thường xuyên 3.505.764 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp kinh tế 239.758 triệu đồng, giảm 52.725 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Trong đó, giảm 30.605 triệu đồng do giảm thu trong cân đối ngân sách nên giảm chi tương ứng; giảm 970 triệu kinh phí trích 10% tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp

<sup>10</sup> Giảm 02 cơ quan hành chính: Sở Ngoại vụ, Văn phòng Điều phối các chương trình mục tiêu quốc gia và sáp nhập 03 đơn vị trực thuộc Sở TN&MT là: Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Biên và Hải đảo, Chi cục Quản lý đất đai.

<sup>11</sup> Thông báo số 495-TB/TU ngày 09/9/2020 của Văn phòng Tỉnh ủy và Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg và Chỉ thị số 05/CT-TTg do dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2021 thấp hơn dự toán năm 2020; giảm kinh phí hỗ trợ mang tính chất không thường xuyên cho ngân sách huyện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.961.937 triệu đồng, tăng 76.052 triệu đồng so với dự toán năm 2020, trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục 1.895.614 triệu đồng<sup>12</sup>, tăng 76.052 triệu đồng so với dự toán 2020. Bao gồm: tăng 61.804 triệu đồng do tăng hệ số lương thường niên và các khoản phụ cấp; tăng 14.248 triệu đồng do bổ sung thêm 58 hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (huyện Cái Nước) và tăng 233 hợp đồng bảo vệ và nấu ăn tại các trường mẫu giáo, mầm non thuộc cấp huyện quản lý;

+ Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề 66.323 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020. Xây dựng trên cơ sở định mức chi thường xuyên theo loại huyện và loại xã.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 5.964 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020, phân bổ cho ngân sách cấp huyện để thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ.

- Chi sự nghiệp y tế 48.703 triệu đồng, tăng 24.407 triệu đồng so với dự toán năm 2020 do tăng kinh phí hỗ trợ BHYT học sinh năm học 2020 - 2021 theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND.

- Chi đảm bảo môi trường 54.825 triệu đồng, bằng với dự toán năm 2020<sup>13</sup>.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 24.462 triệu đồng, xây dựng bằng định mức phân bổ so dự toán năm 2020.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 11.075 triệu đồng, xây dựng bằng định mức phân bổ so dự toán năm 2020.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình 14.414 triệu đồng, xây dựng bằng định mức phân bổ so dự toán năm 2020.

- Chi đảm bảo xã hội 180.753 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020. Trong đó: kinh phí chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ bố trí dự toán để ngân sách cấp huyện thực hiện.

- Chi quản lý hành chính 809.352 triệu đồng, tăng 5.861 triệu đồng so với dự toán năm 2020. Trong đó:

+ Cấp huyện giảm 3.544 triệu đồng do giảm 26 biên chế công chức cấp huyện theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND; giảm kinh phí đảng của các huyện và chuyển 75 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (định mức 130 triệu đồng/biên chế theo lương cơ sở 1,49 triệu đồng) sang Nghị định 161/2018/NĐ-CP đối với cấp huyện

<sup>12</sup> Số học sinh khối Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý là 204.808 học sinh; Thành phố Cà Mau 39.167 học sinh; Thới Bình 25.318 học sinh; U Minh 16.503 học sinh; Trần Văn Thời 31.981 học sinh; Cái Nước 22.912 học sinh; Phú Tân 17.038 học sinh; Đầm Dơi 27.991 học sinh; Năm Căn 12.299 học sinh; Ngọc Hiển 11.599 học sinh (theo số liệu thống kê năm học 2020 - 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

<sup>13</sup> Bao gồm hỗ trợ 4.500 triệu đồng hỗ trợ chi xử lý môi trường cho thành phố Cà Mau, huyện Năm Căn, huyện Trần Văn Thời; và 1.600 triệu đồng kinh phí phòng, chống cháy rừng cho huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh.



Thực tế bình quân khoảng 99,51 triệu đồng/biên chế/năm);

Cấp xã tăng 9.405 triệu đồng do thay đổi định mức phân bổ tạo nguồn đảm bảo chi hoạt động của cấp xã theo loại xã (xã loại 1: 400 triệu đồng; xã loại 2: 350 triệu đồng; xã loại 3: 300 triệu đồng) so với dự toán năm 2020<sup>14</sup>.

- Chi quốc phòng 105.758 triệu đồng, tăng 4.422 triệu đồng so với dự toán năm 2020 do hỗ trợ chênh lệch tiền ăn tăng từ 57.000 đồng lên 62.000 đồng theo Thông tư số 78/2020/TT-BQP; hỗ trợ 3.700 triệu đồng kinh phí huấn luyện cán bộ Khung B theo loại huyện<sup>15</sup>.

- Chi an ninh 15.596 triệu đồng, bằng dự toán năm 2020. Xây dựng trên cơ sở định mức chi thường xuyên theo loại huyện và loại xã.

- Chi khác ngân sách 33.168 triệu đồng.

### 4.3. Dự phòng ngân sách

Dự phòng bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách là 174.881 triệu đồng (không bao gồm kinh phí Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia 1.691.166 triệu đồng). Nguồn dự phòng ngân sách dùng để thực hiện các giải pháp cấp bách phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn (nếu có xảy ra); đồng thời, cũng là nguồn kinh phí quan trọng thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ bức thiết khác.

## III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NĂM 2021

### 1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020. Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 của cả nước nói chung, tỉnh Cà Mau nói riêng từng bước đi vào quỹ đạo ổn định, phục hồi và tăng trưởng hậu dịch Covid-19; do đó, các ngành, các cấp, nhất là ngành Thuế phải chủ động triển khai công tác thu thuế, các chủ trương, giải pháp quản lý thu thuế từ tỉnh đến cơ sở ngay từ đầu năm; chủ động rà soát các nguồn thu, triển khai giao nhiệm vụ phân đấu thu cho các đơn vị trong toàn ngành, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; hạn chế thất thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021.

- Quản lý chặt chẽ nguồn thu, đối tượng thu, đẩy mạnh công tác chống thất thu ngân sách bằng nhiều biện pháp phù hợp. Tăng cường sự phối hợp với các ngành,

<sup>14</sup> Dự toán năm 2020, phân bổ kinh phí tạo nguồn để chi trả phụ cấp người hoạt động tại ấp, khóm bằng 5 lần mức lương cơ sở/ấp, khóm/tháng theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; đồng thời, hỗ trợ kinh phí tăng thêm cho mỗi xã 50 triệu đồng/xã/năm để đảm bảo chi hoạt động cho các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã.

<sup>15</sup> Huyện loại 1: 450 triệu đồng; huyện loại 2: 400 triệu đồng; huyện loại 3: 350 triệu đồng.

các lực lượng như: Công an, Quản lý thị trường và các tổ chức đoàn thể để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi gian lận thương mại, buôn lậu, kinh doanh trốn thuế; kiên quyết ngăn chặn và xử lý có hiệu quả nợ đọng thuế.

## **2. Chi ngân sách địa phương**

Phân bổ dự toán chi ngân sách phải đảm bảo gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Các ngành, các cấp phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì và ổn định tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững các mục tiêu trọng yếu về quốc phòng - an ninh, góp phần ổn định tình hình kinh tế - chính trị. Trong điều hành chi ngân sách phải bám sát theo dự toán được giao, không chi vượt khả năng cân đối của từng cấp ngân sách nhằm lành mạnh hoá về tài chính - ngân sách, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định nền tài chính tiền tệ; trong đó, cần tập trung thực hiện tốt các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

### *a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản*

- Thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư công; thực hiện nghiêm ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại các Văn bản: Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2011 – 2025, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015.

- Các ngành, các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình được giao làm chủ đầu tư, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm sớm hoàn thành các dự án, công trình để đưa vào sử dụng; có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng các dự án, công trình.

### *b) Chi thường xuyên*

- Ngân sách địa phương phải cân đối nguồn để đảm bảo phục vụ cho hoạt động thường xuyên, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị được giao của các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố. Thường xuyên kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng NSNN.

- Các ngành, các cấp phải xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể theo nhiệm vụ được giao, trên cơ sở gắn liền với kế hoạch tài chính - ngân sách của từng ngành, từng địa phương, hạn chế tối đa các khoản phát sinh ngoài dự toán.

- Sau khi được cấp thẩm quyền giao dự toán năm 2021, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố phải xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để làm cơ sở thực hiện; công khai tài chính - ngân sách theo quy định hiện hành; tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số



130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

*c) Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương*

- Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương còn hạn chế, do vậy nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu có ý nghĩa hết sức quan trọng; do đó, các ngành, các cấp được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phải hết sức tích cực, chủ động triển khai thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ.

- Các chủ chương trình, dự án và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đầu tư phải thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư, vốn chương trình mục quốc gia và nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

- Các ngành, các cấp chủ động lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, cùng thực hiện trên địa bàn trong quá trình xây dựng kế hoạch; huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chung của các dự án, chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm và hiệu quả.

Phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách là cơ sở để tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các ngành, các cấp phải tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm hoàn thành nhiệm vụ ngân sách năm 2021.

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị phân bổ dự toán ngân sách năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao dự toán thu, chi ngân sách cho các ngành, các cấp và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện với quyết tâm cao nhất để hoàn thành đạt và vượt dự toán được giao./.






## PHỤ LỤC I

### DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021


(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 kèm theo  
Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>5.688.000</b>	<b>5.258.720</b>	<b>5.478.700</b>	<b>5.019.600</b>	<b>96,32</b>	<b>95,45</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>5.673.000</b>	<b>5.258.720</b>	<b>5.462.700</b>	<b>5.019.600</b>	<b>96,29</b>	<b>95,45</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý</b>	<b>1.756.900</b>	<b>1.756.900</b>	<b>1.740.000</b>	<b>1.740.000</b>	<b>99,04</b>	<b>99,04</b>
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	445.000	445.000	438.000	438.000	98,43	98,43
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.307.900	1.307.900	1.298.000	1.298.000	99,24	99,24
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0		
	- Thu khác	0	0	0	0		
<b>2</b>	<b>Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý</b>	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>	<b>80.000</b>	<b>80.000</b>	<b>114,29</b>	<b>114,29</b>
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.600	26.600	29.200	29.200	109,77	109,77
	- Thuế tài nguyên	7.200	7.200	7.500	7.500	104,17	104,17
	- Thuế giá trị gia tăng	35.900	35.900	43.000	43.000	119,78	119,78
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	300	300	300	100,00	100,00



STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thu khác	0	0	0	0		
<b>3</b>	<b>Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	<b>83,33</b>	<b>83,33</b>
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000	15.000	14.900	14.900	99,33	99,33
	- Thuế tài nguyên	100	100	100	100	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	14.900	14.900	10.000	10.000	67,11	67,11
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0	0	0		
	- Thu khác	0	0	0	0		
<b>4</b>	<b>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</b>	<b>481.000</b>	<b>481.000</b>	<b>540.000</b>	<b>540.000</b>	<b>112,27</b>	<b>112,27</b>
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.400	122.400	150.800	150.800	123,20	123,20
	- Thuế tài nguyên	5.280	5.280	5.560	5.560	105,30	105,30
	- Thuế giá trị gia tăng	352.360	352.360	382.645	382.645	108,59	108,59
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	960	960	995	995	103,65	103,65
	- Thu khác	0	0	0	0		
<b>5</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>345.500</b>	<b>345.500</b>	<b>355.000</b>	<b>355.000</b>	<b>102,75</b>	<b>102,75</b>
<b>6</b>	<b>Thuế bảo vệ môi trường</b>	<b>500.000</b>	<b>186.000</b>	<b>550.000</b>	<b>204.600</b>	<b>110,00</b>	<b>110,00</b>
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)</i>	186.000	186.000	204.600	204.600	110,00	110,00
-	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 62,8% tổng thu)</i>	314.000	0	345.400	0	110,00	
<b>7</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>158.900</b>	<b>158.900</b>	<b>175.000</b>	<b>175.000</b>	<b>110,13</b>	<b>110,13</b>
<b>8</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>77.900</b>	<b>56.800</b>	<b>92.700</b>	<b>60.000</b>	<b>119,00</b>	<b>105,63</b>
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>	21.100	0	32.700	0	154,98	



Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
- Phí và lệ phí địa phương	56.800	56.800	60.000	60.000	105,63	105,63
9 Thuế sử dụng đất nông nghiệp	80	80	0	0	0,00	0,00
10 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.710	4.710	4.000	4.000	84,93	84,93
11 Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50.110	50.110	25.000	25.000	49,89	49,89
12 Thu tiền sử dụng đất	595.200	595.200	400.000	400.000	67,20	67,20
13 Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
14 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.170.000	1.170.000	1.300.000	1.300.000	111,11	111,11
15 Thu khác ngân sách	416.800	337.620	160.000	95.000	38,39	28,14
16 Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.800	1.800	1.000	1.000	55,56	55,56
17 Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	10.000	10.000	10.000	100,00	100,00
18 Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.100	4.100	5.000	5.000	121,95	121,95
II Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000	0	16.000	0	106,67	
1 Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	10.900		15.000		137,61	
2 Thuế xuất khẩu						
3 Thuế nhập khẩu	4.000		1.000		25,00	
4 Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	100					
5 Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
IV Thu viện trợ						




Biểu mẫu số 17

**PHỤ LỤC II**  
**ĐƯỚI TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2021 THEO CƠ CẤU CHI**  
*(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 kèm theo*  
*Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>11.419.299</b>	<b>10.610.073</b>	<b>-809.225</b>	<b>92,91</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSĐP</b>	<b>9.242.188</b>	<b>8.918.907</b>	<b>-323.280</b>	<b>96,50</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.680.097</b>	<b>2.452.097</b>	<b>-228.000</b>	<b>91,49</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.488.127	2.215.397	-272.730	89,04
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung <sup>(1)</sup>	702.097	702.097	0	100,00
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	132.030	123.300	-8.730	93,39
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu mặt đất, mặt nước Nhà đầu tư ứng trước	483.000		-483.000	
1.4	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.150.000	1.300.000	150.000	113,04
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	90.000	69.000	428,57
2	Chi bổ sung quỹ phát triển đất từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh	168.077	236.700	68.623	140,83
3	Chi bổ sung vốn điều lệ cho quỹ đầu tư phát triển và bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	23.893		-23.893	0,00
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.388.442</b>	<b>6.287.956</b>	<b>-100.485</b>	<b>98,43</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.313.728	2.400.065	86.337	103,73



STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	Sự nghiệp giáo dục	2.140.024	2.253.051	113.027	105,28
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	173.705	147.015	-26.690	84,63
2	Chi khoa học và công nghệ	28.430	34.736	6.306	122,18
3	Quốc phòng	151.241	174.615	23.374	115,45
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	36.330	0	100,00
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	620.520	611.799	-8.721	98,59
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	67.226	63.109	-4.117	93,88
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.024	23.194	1.170	105,31
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	30.672	31.115	442	101,44
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	97.715	88.233	-9.482	90,30
10	Các hoạt động kinh tế	1.328.758	1.235.426	-93.332	92,98
11	Chi quản lý hành chính	1.307.820	1.222.372	-85.448	93,47
12	Chi đảm bảo xã hội	320.725	304.703	-16.022	95,00
13	Chi khác ngân sách	63.252	62.260	-992	98,43
III	<b>Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>900</b>	<b>2.973</b>	<b>2.073</b>	<b>330,37</b>
IV	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>100,00</b>
V	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>171.749</b>	<b>174.881</b>	<b>3.132</b>	<b>101,82</b>
VI	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			<i>0</i>	
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>2.177.111</b>	<b>1.691.166</b>	<b>-485.945</b>	<b>77,68</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>275.929</b>	<b>0</b>	<b>-275.929</b>	<b>0,00</b>



Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
			Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4=2/1</i>
1) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	51.919		-51.919	0,00
2) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	224.010		-224.010	0,00
<b>II Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>1.901.182</b>	<b>1.691.166</b>	<b>-210.016</b>	<b>88,95</b>
1) Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	418.900	265.000	-153.900	63,26
2) Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	964.547	1.122.626	158.079	116,39
3) Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	517.735	303.540	-214.195	58,63
<b>C CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				
<b>D CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>29.939</b>	<b>0</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2021 là 0 triệu đồng.